MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MỘT TIẾT HK I NĂM 2020

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/Bài** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết**  **(30%)** | **Thông hiểu**  **(30%)** | **Vận dụng**  **(30%)** | **Vận dụng cao**  **(10%)** |
| Bài 1: Pháp luật và đời sống | khái niệm, bản chất của pháp luật | Hiểu được đặc trưng của pháp luật | Giải thích vai trò của pháp luật, đánh giá hành vi người khác theo chuẩn mực của pháp luật |  |  |
| Số câu: 7  Số điểm: 2,1875  Tỉ lệ 21,875% | Số câu: 3  Số điểm: 0.9375  Tỉ lệ 9,375% | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ 6,25 % | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ 6,25 % |  | Số câu: 7  Số điểm: 2,1875  Tỉ lệ 21,875% |
| Bài 2: Thực hiện pháp luật | Khái niệm thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật | Hiểu được vi phạm pháp luật, các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí | Phân biệt các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý | Vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống khi thực hiện pháp luật |  |
| Số câu: 12  Số điểm: 3,4375  Tỉ lệ 34,375% | Số câu: 4  Số điểm:1,25  Tỉ lệ: 12,5% | Số câu: 3  Số điểm:0,9375  Tỉ lệ: 9,375% | Số câu: 3  Số điểm:0,9375  Tỉ lệ: 9,375% | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ 6,25 % | Số câu: 12  Số điểm: 3,4375  Tỉ lệ 34,365% |
| Bài 3: Công dân bình đẳng trước pháp luật |  | Hiểu thế nào là công dân bình đẳng về: Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lí | Phân biệt được bình đẳng về quyền, nghĩa vụ với bình đẳng về trách nhiệm pháp lí |  |  |
| Số câu: 3  Số điểm:0,9375  Tỉ lệ: 9,375% |  | Số câu: 1  Số điểm: 0.3125  Tỉ lệ: 3,125% | Số câu: 2  Số điểm: 0.625  Tỉ lệ 6,25 % |  | Số câu: 3  Số điểm:0,9375  Tỉ lệ: 9,375% |
| Bài 4: quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội | Nêu được khái niệm nội dung một số quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội | Hiểu nội dung một số quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội | Biết thực hiện và nhận xét quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh | Vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống có liên quan đến quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội |  |
| Số câu: 10  Số điểm: 3,125  Tỉ lệ 31.25% | Số câu: 3  Số điểm:1,25  Tỉ lệ: 12,5% | Số câu: 3  Số điểm:0,9375  Tỉ lệ: 9,375% | Số câu: 3  Số điểm:0,9375  Tỉ lệ: 9,375% | Số câu: 1  Số điểm: 0.3125  Tỉ lệ: 3,125% | Số câu: 10  Số điểm: 3,125  Tỉ lệ 31,25% |
| Tổng số câu 32  Tổng số điểm 10  Tỉ lệ 100 % | Số câu: 10  Số điểm: 3,125  Tỉ lệ 31,25 % | Số câu: 9  Số điểm: 2,8125  Tỉ lệ 28,125 % | Số câu: 10  Số điểm: 3,125  Tỉ lệ 31,25 % | Số câu: 3  Số điểm:0,9375  Tỉ lệ: 9,375% | Tổng số câu 32  Tổng số điểm 10  Tỉ lệ 100 % |

**Đề cương.**

1. Khái niệm pháp luật, các đặc trưng của pháp luật, bản chất pháp luật, vai trò của pháp luật.

2. Khái niệm thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, các loại vi phạm pháp luật.

3. Công dân bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lí.

4. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình, bình đẳng trong lao động, bình đẳng trong kinh doanh.